

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
SỞ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1606/QĐ-SLĐTBXH

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG THƯNG CẤP NGƯỜI CHỈ LẠM  
ĐẾN  
Số: 50  
Ngày: 21/11/2022  
Chuyển:  
Lưu hồ sơ số:

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh tăng, giảm dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2022**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI KHÁNH HOÀ**

Căn cứ Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4732/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ nhu cầu kinh phí NSNN cấp năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Sở  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh tăng, giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo biểu đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 được điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài Chính(VBĐT);
- KBNN tỉnh;
- KBNN nơi giao dịch ( gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, KH-TC.

**GIÁM ĐỐC**



**Tạ Hồng quang**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022**  
**Đơn vị: Trường Trung cấp nghề Cam Lâm - Mã 1104809**  
(Kèm theo Quyết định số 1606 /QĐ-SLĐTBXH ngày 11/11/2022  
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Chương 424

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT      | Nội dung                                                                                                                                                    | Dự toán giao đầu năm 2022 | Điều chỉnh tăng, giảm |                  |                  | Dự toán năm 2022 sau điều chỉnh | Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------|------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|
|          |                                                                                                                                                             |                           | Cộng                  | Tăng (+)         | Giảm (-)         |                                 |                                         |
|          | <b>II. DỰ TOÁN CHI NSNN</b>                                                                                                                                 | <b>9.983,000</b>          | <b>-108,500</b>       | <b>59,500</b>    | <b>-168,000</b>  | <b>9.874,500</b>                |                                         |
| <b>1</b> | <b>Loại 070 Khoản 091: Kinh phí không tự chủ - Nguồn 12. Chi đào tạo</b>                                                                                    | <b>290,000</b>            | <b>-150,000</b>       | <b>0,000</b>     | <b>-150,000</b>  | <b>140,000</b>                  | KBNN Cam Lâm                            |
|          | - Đào tạo nghề bộ đội xuất ngũ                                                                                                                              | 150,000                   | -150,000              |                  | -150,000         | 0,000                           |                                         |
|          | - KP hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018                       | 140,000                   |                       |                  |                  | 140,000                         |                                         |
| <b>2</b> | <b>Loại 070 Khoản 092: Kinh phí không tự chủ - Nguồn 12. Chi đào tạo</b>                                                                                    | <b>9.693,000</b>          | <b>41,500</b>         | <b>59,500</b>    | <b>-18,000</b>   | <b>9.734,500</b>                | KBNN Cam Lâm                            |
| <b>a</b> | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - Mã nguồn 13</b>                                                                                                       | <b>4.911,000</b>          | <b>-18,000</b>        | <b>0,000</b>     | <b>-18,000</b>   | <b>4.893,000</b>                |                                         |
|          | - Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP                                                                                                       | 2.728,000                 | -18,000               |                  | -18,000          | 2.710,000                       |                                         |
|          | - Kinh phí hoạt động theo HS                                                                                                                                | 2.183,000                 |                       |                  |                  | 2.183,000                       |                                         |
| <b>b</b> | <b>Kinh phí thực hiện CCTL - Mã nguồn 14</b>                                                                                                                | <b>243,000,000</b>        | <b>0,000,000</b>      | <b>0,000,000</b> | <b>0,000,000</b> | <b>243,000,000</b>              |                                         |
|          | - 10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL                                                                                                                              | 243,000,000               | 0,000                 |                  |                  | 243,000                         |                                         |
| <b>c</b> | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Mã nguồn 12</b>                                                                                                 | <b>4.539,000</b>          | <b>59,500</b>         | <b>59,500</b>    | <b>0,000</b>     | <b>4.598,500</b>                |                                         |
|          | - Bỏ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán                                                                                                                         | 46,000                    |                       |                  |                  | 46,000                          |                                         |
|          | - Cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập                                                                                                                  | 2.863,000                 | 0,000                 |                  |                  | 2.863,000                       |                                         |
|          | - Học bổng học sinh và hỗ trợ khác theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg; học bổng học sinh theo Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND | 1.630,000                 | 59,500                | 59,500           |                  | 1.689,500                       |                                         |